

BỘ LAO ĐỘNG TB&XH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
HÒA BÌNH XUÂN LỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGHỀ CÔNG NGHỆ HÀN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 185/2021/QĐ-TCĐ ngày 02 tháng 07 năm 2021
của Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Hòa Bình Xuân Lộc)*

Tên nghề: Hàn

Mã nghề: 50510203

Trình độ đào tạo: Liên thông Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Đã học xong chương trung cấp hàn

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 15

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao Đẳng Nghề Hàn.

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp:

1.1. Kiến thức:

- + Có kiến thức chuyên môn để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực của nghề Hàn;
- + Có khả năng ứng dụng kiến thức cơ sở ngành trong nghiên cứu và phân tích các sản phẩm đồng thời khai thác, sử dụng được các phương pháp, công cụ trong thiết kế và đánh giá các sản phẩm nghề Hàn;
- + Nắm bắt và triển khai được các công việc chuyên môn như: Lựa chọn vật liệu, kết cấu, đồ gá, thiết bị hàn cơ bản và tiên tiến để chế tạo ra sản phẩm Hàn.

1.2. Kỹ năng thực hành:

- + Có khả năng sử dụng và vận hành các sản phẩm và hệ thống máy móc cơ khí thuộc chuyên ngành công nghệ hàn và gia công áp lực;
- + Hàn được các mối hàn có kết cấu thông thường hoặc phức tạp được chế tạo từ các vật liệu thường dùng trong công nghiệp và dân dụng bằng các phương pháp hàn thủ công, bán tự động và tự động đạt yêu cầu kỹ thuật, quy trình hoàn chỉnh, đảm bảo tính thẩm mỹ, tiết kiệm và an toàn;

- + Sử dụng thành thạo các thiết bị hàn (thiết bị hàn hồ quang tay, công nghệ hàn cắt tiên tiến: MAG, MIG, TIG, PLASMA...) và các thiết bị cơ khí liên quan để chế tạo các liên kết, kết cấu hàn thông thường, phức tạp;
- + Tính toán được một số kết cấu hàn đơn giản : Dầm và trụ, dàn, tấm vò;
- + Đạt tay nghề bậc thợ hàn (3G đến 6G; 3F đến 4F) của các phương pháp hàn (hồ quang tay và hàn trong môi trường khí bảo vệ).

1.3. Kỹ năng mềm:

- + Có kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường thực tế;
- + Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm;
- + Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện hành.

1.4. Thái độ làm việc/kỹ luật lao động:

- + Có tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc; thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;
- + Tuân thủ pháp luật và các nội quy, qui định tại nơi làm việc; có thái độ hợp tác trong công việc; có tính kỷ luật, ngăn nắp, đúng giờ; sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;
- + Nghiêm túc, cần cù chịu khó và sáng tạo, đổi mới trong công việc;
- + Luôn có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, tập trung, chính xác để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu Công nghệ sản xuất mới.

2. Chính trị, Thể chất và quốc phòng

2.1 - Chính trị, pháp luật:

- + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam;
- + Có niềm tin vào sự phát triển cách mạng Việt Nam, trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng;
- + Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;
- + Có tư tưởng tốt, tình cảm tốt đẹp, có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước;

+ Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

2.2 - Thể chất, quốc phòng:

a. Thể chất:

+ Trang bị cho người học nghề một số kiến thức, kỹ năng thể dục thể thao cần thiết và phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp để học tập và tham gia lao động, sản xuất;

+ Giáo dục cho người học nhân cách, phẩm chất, ý chí, tính tập thể, tinh thần vượt khó khăn.

b. Quốc phòng

+ Giáo dục cho Sinh viên lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân VN. Trang bị kiến thức kỹ năng bảo vệ Tổ quốc trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh, làm cơ sở để SV thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, tham gia có hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Đạo đức nghề nghiệp:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, đáng tin cậy, có trách nhiệm, có ý thức cộng đồng; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp;

+ Có lòng yêu nghề, thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào công việc, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. Cơ hội việc làm:

+ Kỹ thuật viên trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia điều hành sản xuất tại các công ty và tại các nhà máy kết cấu thép, nhà máy đóng tàu, công ty lắp ráp thiết bị kết cấu, công ty xây dựng dân dụng, xây dựng nhà máy điện;

+ Kỹ thuật viên chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ hàn trong các công ty hoạt động dịch vụ thương mại liên quan đến nghề Hàn.

5. Đạt trình độ:

+ Kỹ năng nghề: tương đương bậc 3/5.

+ Tin học: tương đương IC3

+ Ngoại ngữ (tiếng Anh): tương đương A2.

I. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC:

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- + Thời gian đào tạo: 1 năm
- + Thời gian thực học tối thiểu: 1.000 giờ chuẩn.

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- + Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 44 Tín chỉ
- + Thời gian học môn học, mô đun chuyên môn nghề: 1.000 giờ.
- + Thời gian học lý thuyết: 148 giờ
- + Thời gian học thực hành 814 giờ chuẩn.
- + Thời gian thi kiểm tra kết thúc môn: 38 giờ.

III. PHÂN BỐ THỜI GIAN MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

1. Phân phối môn học/ mô-đun đào tạo:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	9	180	68	102	10
MH01	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	30	15	14	1
MH05	Tin học	1	30	1	28	1
MH06	Tiếng Anh	2	30	16	12	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	38	820	144	746	30
MĐ 07	Hàn MIG, MAG nâng cao dây lõi thuốc (FCAW)	5	120	16	100	4
MĐ 08	Kiểm tra chất lượng hàn	2	40	8	30	2
MĐ 09	Hàn đắp	2	60	12	44	4
MĐ 10	Hàn ống	4	80	16	60	4
MĐ 11	Hàn kim loại màu và thép hợp kim	5	120	24	92	4
MĐ 12	Tính toán kết cấu hàn	3	60	40	16	4
MĐ 13	Hàn ống chất lượng cao 5G	4	80	16	60	4
MĐ 14	Hàn tự động dưới lớp thuốc (UP)	3	80	12	64	4
MĐ 15	Thực tập tốt nghiệp	6	180	0	180	
Tổng cộng		44	1000	148	814	38

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Áp dụng mô đun do Bộ lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa: nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở có thể bố trí tham quan, thực tập tại một số cơ sở doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

4.3. Hướng dẫn kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun: Áp dụng theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

- Thời gian thi:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 08 giờ

- Thời gian thi các mô đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành được tính vào giờ thực hành.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp hoặc làm mô hình	Viết	Không quá 180 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Không quá 24 giờ

- Quyền Hiệu trưởng căn cứ kết quả thi tốt nghiệp và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định.

4.5. Các chú ý khác:

- Trình tự giảng dạy các môn học, mô đun đào tạo phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, nhà trường cần quy định các môn học, mô đun đào tạo tiên quyết của môn học, mô đun đào tạo kế tiếp trong chương trình.

- Yêu cầu thực hiện, số lượng và hình thức bài tập (nếu có) của các môn học, mô đun đào tạo do giáo viên quy định, nhằm giúp người học nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu của người công nhân.

- Trong chương trình này, các môn học, mô đun đều được đặt tên theo mức độ phổ thông nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau này khi ra trường.

- Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian như sau :

+ Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng tuần và giờ học.

+ Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau:

* Một giờ học tích hợp (lý thuyết + thực hành); thực hành là 45 phút tính 01 giờ chuẩn; một giờ học lý thuyết là 45 phút tính 01 giờ chuẩn.

* Một ngày học thực hành, thực tập, học theo mô đun không quá 8 giờ học.

* Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

* Mỗi tuần không học quá 40 giờ tích hợp; thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết./.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 07 năm 2021

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Linh mục Nguyễn Văn Uy

**KHOA CHUYÊN MÔN
TRƯỞNG KHOA**

Nguyễn Thanh Dũng